

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 10 - 2018

V/v: “*Kiên ly hôn*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯM'GAR**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Thắng
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mạnh và ông Đinh Công Thề
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trung – Thư ký tòa án nhân dân huyện CưM'gar
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 9 tháng 4 năm 2018 về việc “*Kiên ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXX-HNGĐ ngày 27/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2018/QĐST – HNGĐ ngày 19/9/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H; sinh năm 1985 (Có mặt)
 - Bị đơn: Anh Nguyễn Quang T; sinh năm: 1982 (Vắng mặt)
- Cùng trú tại địa chỉ: Số 109 đường C8, thị trấn QP, huyện CưM, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:

Tôi và anh Nguyễn Quang T có đăng ký kết hôn vào ngày 09/01/2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn QP, huyện CưM, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian chung sống giữa chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, lối sống. Mặc dù tôi đã cố gắng giải quyết các mâu thuẫn mong muốn có thể níu kéo lại hạnh phúc gia đình nhưng mọi cố gắng đều không thể đạt được mục đích, thậm chí mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Tôi nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng chúng tôi hết sức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân

không thể đạt được. Vì vậy, Tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện CuM'gar xem xét giải quyết cho tôi ly hôn với anh Nguyễn Quang T theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 16/01/2013. Tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu anh Nguyễn Quang T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quang T:

Tòa án nhân dân huyện CuM'gar đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại tổ trưởng tổ dân phố 2, thị trấn QP, huyện CuM thì chính quyền địa phương cung cấp như sau: Anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1982 có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại tổ dân phố 2, thị trấn QP, huyện CuM, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, hiện nay anh T đi làm ăn xa, công việc không ổn định và thường xuyên vắng nhà. Thời gian đi về thường là buổi tối nên cán bộ địa phương không làm việc được.

Tại phiên tòa, chị Đinh Thị H yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang T và có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức A cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Chị Đinh Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Quang T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án:

Đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 BLTTDS.

Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn không chấp hành theo đúng quy định của pháp luật tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H; Tuyên bố chị Đinh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Quang T. Giao cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 16/01/2013 cho chị Đinh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Đinh Thị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:

Chị Đinh Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quang T nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Anh Nguyễn Quang T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 2, thị trấn QP, huyện CùM, tỉnh Đắk Lắk. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CùM'gar nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì chính quyền địa phương xác nhận anh Nguyễn Quang T hiện nay vẫn đang còn sinh sống tại tổ dân phố 2, thị trấn QP, huyện CùM, tỉnh Đắk Lắk. Chính quyền cũng đã tiến hành hòa giải nhưng anh Nguyễn Quang T không hợp tác. Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt.

[3] Về nội dung:

Chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Quang T có đăng ký kết hôn vào ngày 09/01/2012, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa chị H và anh T thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng, đời sống chung không hạnh phúc. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh T, xét yêu cầu của chị H là phù hợp vì hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình xác minh tại địa phương thì chính quyền địa phương cũng cho biết hai vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã tổ chức hòa giải nhưng không thành.

Như vậy có thể thấy, hôn nhân giữa chị H và anh T đã trầm trọng, việc chị H yêu cầu được ly hôn với anh T là chính đáng cần được chấp nhận.

Về con chung: Chị Đinh Thị H và anh Nguyễn Quang T có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 16/01/2013, hiện nay cháu Nguyễn Đức A đang ở với chị H. Do đó, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 16/01/2013 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy xét nguyện vọng của chị H là chính đáng phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh hiện nay nên giao cháu Nguyễn Đức A cho chị Đinh Thị H để chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Đinh Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 16/01/2013 cho chị Đinh Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Đức A đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Quang T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Quang T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí hôn nhân và gia đình:

Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0002087 ngày 04/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh DakLak;
- VKS huyện CưM'gar;
- Thi hành án dân sự CưM'gar;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- UBND TT QP;
- Lưu Hsơ vụ án, lưu TA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

ĐẶNG NGỌC THẮNG